

Số: 47/2020/QĐST-HNGĐ

*Đắk Tô, ngày 03 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T

*Bị đơn:* Anh Lê Anh Đ

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Anh Đ và chị Trần Thị T

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh Đ và chị Trần Thị T thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Lê Thị Thu Huyền sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004, cháu Lê Trần Việt Hùng sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 và cháu Lê Trần Phúc Hậu sinh ngày 09 tháng 12 năm 2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền thăm

nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003777 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- UBND xã Tân Cảnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hoa Như**